



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017



Thành viên hãng **AGN International** | A member firm of **AGN International**

Kiểm toán - Audit | Thuế - Tax | Tư vấn - Advisory

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 50

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Dương Trường Hải	Thành viên
Ông Rodrigo E. Franco	Thành viên
Ông Denn Charly Gonzales Espanola	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông Denn Charly Gonzales Espanola	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Chính	Giám đốc tài chính (bổ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2017)
Ông Nguyễn Văn Thông	Giám đốc tài chính (miễn nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Thành

Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 8 năm 2017



Số: 617/2017/BCSX-IFCHCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII, được lập ngày 18 tháng 8 năm 2017, từ trang 4 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Lương Giang Thạch

Phó Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 2178-2013-072-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu số B 01a-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.179.292.795.693	1.876.217.501.605
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	860.478.802.558	799.676.241.298
1. Tiền	111		40.975.380.604	34.007.125.679
2. Các khoản tương đương tiền	112		819.503.421.954	765.669.115.619
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		204.817.083.737	15.842.590.331
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	15.a	204.817.083.737	15.842.590.331
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.043.550.492.511	837.057.659.101
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.a	281.241.528.964	320.609.474.143
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	226.507.295.756	21.895.916.812
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8.a	135.225.836.005	232.035.671.296
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	405.650.983.137	267.591.748.201
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(5.075.151.351)	(5.075.151.351)
IV. Hàng tồn kho	140	11	33.502.435.500	80.316.645.586
1. Hàng tồn kho	141		34.130.043.072	81.355.675.257
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(627.607.572)	(1.039.029.671)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		36.943.981.387	143.324.365.289
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		517.954.747	323.529.270
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		34.797.031.447	141.222.795.083
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	20.a	1.628.995.193	1.778.040.936
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.755.789.181.207	6.444.904.113.125
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.027.467.157.538	1.090.190.075.748
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6.b	135.524.020.798	262.140.216.993
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8.b	231.425.250.000	231.425.250.000
3. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	660.517.886.740	596.624.608.755
II. Tài sản cố định	220		3.338.423.513.977	1.821.750.070.720
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	9.247.723.874	62.835.654.087
- Nguyên giá	222		19.909.810.492	107.435.893.824
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.662.086.618)	(44.600.239.737)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	3.329.175.790.103	1.758.914.416.633
- Nguyên giá	228		3.970.848.396.036	2.315.408.540.642
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(641.672.605.933)	(556.494.124.009)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.861.436.966.873	3.034.392.273.789
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	1.861.436.966.873	3.034.392.273.789
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		277.058.233.231	293.960.350.008
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15.b	158.979.138.895	156.246.769.048
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	15.a	118.079.094.336	137.713.580.960
V. Tài sản dài hạn khác	260		251.403.309.588	204.611.342.860
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	166.538.318.014	97.110.644.244
2. Lợi thế thương mại	269	17	84.864.991.574	107.500.698.616
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		8.935.081.976.900	8.321.121.614.730

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu số B 01a-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.859.803.424.168	5.302.872.639.911
I. Nợ ngắn hạn	310		1.307.623.504.383	1.143.166.573.901
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	64.851.304.825	72.332.563.999
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	12.928.254.253	17.163.841.856
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20.b	23.634.557.187	20.788.800.432
4. Phải trả người lao động	314		71.736.371	831.747.524
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	34.530.065.218	49.841.687.345
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		246.199.549	246.200.094
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22.a	418.114.353.924	329.456.805.210
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23.a	751.460.250.000	648.492.633.348
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.786.783.056	4.012.294.093
II. Nợ dài hạn	330		4.552.179.919.785	4.159.706.066.010
1. Phải trả dài hạn khác	337	22.b	1.246.961.758	79.156.511.758
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23.b	4.437.502.982.795	3.967.119.579.020
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	24	113.429.975.232	113.429.975.232
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.075.278.552.732	3.018.248.974.819
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	3.075.278.552.732	3.018.248.974.819
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		37.726.173.561	37.726.295.629
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		427.403.456.308	524.577.588.133
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		339.162.210.649	346.934.283.296
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		88.241.245.659	177.643.304.837
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		677.943.524.767	523.739.692.961
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		8.935.081.976.900	8.321.121.614.730


Dương Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 18 tháng 8 năm 2017


Nguyễn Văn Chính
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

MẪU SỐ B 02a-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	264.493.110.582	169.821.924.284
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	7.442.335.374	4.588.458.767
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	26	257.050.775.208	165.233.465.517
4. Giá vốn hàng bán	11	27	88.222.385.521	94.516.105.143
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		168.828.389.687	70.717.360.374
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	167.269.460.805	167.901.879.066
7. Chi phí tài chính	22	29	119.040.869.185	51.904.570.015
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		99.229.699.065	51.904.361.706
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	15.b	2.732.369.847	16.039.427.305
9. Chi phí bán hàng	25	30	16.926.089.016	8.438.978.714
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	66.423.080.533	35.827.181.059
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		136.440.181.605	158.487.936.957
12. Thu nhập khác	31	32	493.418.680	229.940.155
13. Chi phí khác	32	33	410.257.794	223.605.004
14. Lợi nhuận khác	40		83.160.886	6.335.151
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		136.523.342.491	158.494.272.108
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	21.917.557.330	16.267.254.513
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	24	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		114.605.785.161	142.227.017.595
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		88.241.245.659	114.876.107.475
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		26.364.539.502	27.350.910.120
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	456	588

Dương Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 18 tháng 8 năm 2017

Nguyễn Văn Chính
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

MẪU SỐ B 03a-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
		đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	136.523.342.491	158.494.272.108
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ, bất động sản đầu tư và lợi thế thương mại	02	110.154.130.182	58.888.229.294
Các khoản dự phòng	03	-	300.460.838
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(1.215.281)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(150.587.353.467)	(183.939.883.689)
Chi phí lãi vay	06	99.229.699.065	51.904.361.706
Các khoản điều chỉnh khác	07	7.442.335.374	4.496.410.956
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	202.762.153.645	90.142.635.932
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(1.102.847.586)	20.072.854.130
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(14.091.315.107)	(110.273.858)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	13.790.865.008	6.236.237.127
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(38.238.832.348)	(5.688.248.384)
Tiền lãi vay đã trả	14	(99.518.763.659)	(74.787.375.734)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.256.182.237)	(19.014.527.125)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(350.362.345)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	46.345.077.716	16.500.939.743
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(692.976.141.805)	(361.493.145.624)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	125.763.700.209	125.708.546.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(314.219.493.406)	(169.650.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	222.054.835.291	435.439.618.708
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	74.256.034.146	123.990.758.462
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(585.121.065.565)	153.995.778.001

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

MẪU SỐ B 03a-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
		đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	171.701.000.000	-
2. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(12.596.040.000)	(12.596.040.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	935.357.586.664	437.945.036.852
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(305.849.749.556)	(85.312.012.558)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(189.034.247.999)	(129.808.348.611)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	599.578.549.109	210.228.635.683
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	60.802.561.260	380.725.353.427
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	799.676.241.298	739.148.574.877
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	1.215.281
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	860.478.802.558	1.119.875.143.585

Các thông tin bổ sung cho Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Trong kỳ, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia cho Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII theo hợp đồng đã ký vào ngày 6 tháng 10 năm 2014. Một khoản giảm giá trị đầu tư vào công ty con tương ứng với giảm khoản phải trả dài hạn khác là 78 tỷ VND đã được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ mà không ảnh hưởng đến các dòng tiền phát sinh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ do Công ty đã nhận trước phí chuyển nhượng ngay tại thời điểm ký hợp đồng.



Dương Thị Nhung

Người lập biểu

Ngày 18 tháng 8 năm 2017

Nguyễn Văn Chính

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thành

Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 VND, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“CII”), trụ sở tại số 50 Tôn Thất Đạm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,31%.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con trong kỳ là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng; kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 12 tháng 1 năm 2017, Công ty thực hiện góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII với số tiền là 96 tỷ đồng để công ty con này thực hiện tạm ứng cho hợp đồng nhận chuyển nhượng 51% vốn góp vào Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc.

Trong kỳ Công ty đã thực hiện góp đủ vốn vào Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu theo tỷ lệ đăng ký góp cho số vốn điều lệ tăng của công ty con này để thực hiện dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng Quốc lộ 60 nối từ cầu Rạch Miễu đến cầu Cổ Chiên.

Ngày 20 tháng 2 năm 2017, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia cho Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII theo hợp đồng đã ký vào ngày 6 tháng 10 năm 2014. Do đó Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ gia không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này. Công ty không hợp nhất số liệu của công ty con này kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đang đầu tư vào tám (08) công ty con và hai (02) công ty liên doanh, liên kết, bao gồm các công ty đầu tư trực tiếp và gián tiếp thông qua các công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty đang được đầu tư như sau:

Công ty con:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1. Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	Tp. Hồ Chí Minh	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
2. Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
3. Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
4. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
5. Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
6. Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
7. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	51,75%	51,24%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60
8. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Công ty con đầu tư gián tiếp thông qua Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình)	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741

Công ty liên doanh, liên kết:

Công ty liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	10%	10%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận
Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	Tỉnh Bình Dương	45%	45%	Cung cấp dịch vụ thu phí giao thông và các dịch vụ hạ tầng khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được hợp nhất từ các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con đồng nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ và được trình bày là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, giá trị của khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần sở hữu của Công ty trong phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được ghi nhận là một loại tài sản dài hạn trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính nhưng không quá 10 năm. Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ khoản lợi thế thương mại này.

Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ

Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, các khoản ký cược, ký quỹ, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay và trái phiếu phát hành.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MÃ SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MÃU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị quyền thu phí giao thông, quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm.

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án và được Nhà nước chấp thuận. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ trọng doanh thu. Giá trị trích khấu hao hàng năm được tính bằng nguyên giá nhân với tỷ lệ doanh thu thu được hàng năm so với tổng doanh thu ước tính.

Quyền thu phí mà Công ty có được thông qua việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của các Quyền thu phí có được từ việc hợp nhất kinh doanh, được xác định bằng cách sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền thu phí trong tương lai, giá trị của quyền thu phí được định giá sau khi đã trừ đi phần giá trị hợp lý cho các tài sản góp phần tạo ra luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của quyền thu phí được khấu hao theo tỷ lệ doanh thu thu phí thực tế so với tổng doanh thu kế hoạch trong suốt thời gian thu phí của dự án

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành không tính khấu hao.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MÃ SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay của dự án B.O.T và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các dự án B.O.T là chi phí phát sinh trong giai đoạn khai thác hoàn vốn đầu tư. Chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông của dự án.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Công ty mẹ không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu thu phí giao thông

Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông đường bộ trong giai đoạn thu phí được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé cầu đường dưới các hình thức theo mức quy định của Nhà nước áp dụng trên mỗi tuyến đường bộ nhất định mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

Doanh thu lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T và B.T

Lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư vốn chủ sở hữu Công ty đầu tư vào dự án và tỷ suất lợi nhuận định mức theo quy định của hợp đồng B.O.T. Khoản lợi nhuận này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí hàng năm của dự án. Công ty áp dụng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013 trong việc ghi nhận khoản lãi bảo toàn vốn chủ này.

Lãi vốn chủ của các dự án B.T được ghi nhận khi khoản lãi này được xác định một cách chắc chắn với cơ quan chủ quản tiếp nhận công trình. Khoản lãi này được tính dựa trên tỷ lệ lãi vốn chủ được quy định cụ thể trên từng hợp đồng B.T trên số dư vốn chủ sở hữu thực tế mà Công ty đã đầu tư cho dự án.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này theo nguyên tắc: Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản được chuyển đổi theo tỷ giá mua và các khoản mục được phân loại là nợ phải trả được chuyển đổi theo tỷ giá bán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để đầu tư vào các dự án B.O.T trong giai đoạn hoạt động được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo tỷ trọng doanh thu.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Thuế (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	206.491.782	348.352.758
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	40.768.888.822	33.658.772.921
Các khoản tương đương tiền (i)	819.503.421.954	765.669.115.619
Cộng	860.478.802.558	799.676.241.298

(i) Các khoản tương đương tiền là số dư tiền gửi tiết kiệm có thời hạn dưới 3 tháng.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giá trị đầu tư dự án B.T xây dựng Cầu Sài Gòn (i)	252.325.474.733	251.418.309.508
Các khách hàng khác	28.916.054.231	69.191.164.635
Cộng	281.241.528.964	320.609.474.143
b. Dài hạn		
Phải thu Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giá trị đầu tư dự án B.T xây dựng Cầu Sài Gòn (i)	135.524.020.798	262.140.216.993
Cộng	135.524.020.798	262.140.216.993
Trong đó phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	211.200.000	422.400.000
Công ty CII	324.990.000	324.990.000
Cộng	536.190.000	747.390.000

(i) Số dư khoản phải thu Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến giá trị xây dựng, lãi bảo toàn vốn chủ và lãi trả chậm của Dự án Cầu Sài Gòn. Khoản phải thu này được cam kết hoàn trả trong thời gian 5 năm, chia đều thành 10 kỳ, kỳ đầu tiên bắt đầu ngày 12 tháng 6 năm 2014, kỳ cuối cùng sẽ kết thúc vào ngày 12 tháng 12 năm 2018. UBND Thành phố Hồ Chí Minh cam kết trả lãi chậm thanh toán cho số dư nợ tại mỗi kỳ thanh toán (xem Thuyết minh 28). Số dư phải thu cuối kỳ sẽ được thu hồi theo lịch biểu sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MÃU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	252.325.474.733	251.418.309.508
Trong năm thứ hai	135.524.020.798	251.418.309.508
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	10.721.907.485
Cộng	387.849.495.531	513.558.526.501
Trừ số sẽ thu được trong vòng 12 tháng	(252.325.474.733)	(251.418.309.508)
Số sẽ thu sau 12 tháng	135.524.020.798	262.140.216.993

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII ("CII E&C")	130.617.572.608	7.007.412.334
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Mô Cày Nam	46.447.454.000	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Mô Cày Bắc	35.798.121.000	-
Công ty TNHH Điện tử Philips Việt Nam	-	3.910.652.130
Công ty TNHH MTV Kiến và Ong	-	2.644.840.000
Các đối tượng khác	13.644.148.148	8.333.012.348
Cộng	226.507.295.756	21.895.916.812
<i>Trong đó, trả trước cho các bên liên quan</i>		
Công ty CII E&C	130.617.572.608	7.007.412.334
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	1.096.171.000	-
Cộng	131.713.743.608	7.007.412.334

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Khoản cho công ty mẹ vay - Công ty CII (i)	135.225.836.005	229.035.671.296
Công ty TNHH Quốc Vương	-	3.000.000.000
Cộng	135.225.836.005	232.035.671.296
b. Dài hạn		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc (ii)	231.425.250.000	231.425.250.000
Cộng	231.425.250.000	231.425.250.000

(i) Số dư cuối kỳ theo hợp đồng cho vay có thời hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 12 tháng 12 năm 2017 với lãi suất cho vay là 11%/năm.

(ii) Khoản cho vay theo hợp đồng đã ký ngày 24 tháng 4 năm 2015 với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc để góp vốn vào Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận. Khoản cho vay này sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Lãi suất áp dụng cho khoản vay này kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,5%/năm. Khoản cho vay này được đảm bảo bởi cổ phần mà Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc sở hữu tại Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MÃ SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu về vốn và lãi hợp tác đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc	108.774.224.581	92.125.094.325
Ký cược, ký quỹ	96.009.000.000	9.000.000
Khoản tạm ứng lợi nhuận cho cổ đông không kiểm soát của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	96.056.856.732	77.667.281.614
Lãi cho vay phải thu	45.006.854.060	35.116.638.862
Lãi bảo toàn vốn chủ Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	14.884.670.748	8.992.821.910
Khoản trả trước tiền mua cổ phần của Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	12.596.040.000	12.596.040.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	1.344.403.839	5.344.403.839
Cổ tức, lợi nhuận phải thu	1.000.000.000	3.651.471.341
Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dự thu	1.051.801.735	821.634.100
Phải thu người lao động	447.540.959	2.329.876.051
Các khoản chi hộ	34.583.763	65.971.849
Phải thu đối tượng khác	28.445.006.720	28.871.514.310
Cộng	405.650.983.137	267.591.748.201
b. Dài hạn		
Lãi bảo toàn vốn chủ Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	569.110.532.427	491.883.070.230
Lãi bảo toàn vốn chủ Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	85.586.856.801	98.921.041.013
Đặt cọc mua cổ phần Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	5.820.497.512	5.820.497.512
Cộng	660.517.886.740	596.624.608.755
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty CII	121.345.124.581	104.695.994.325
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	1.639.850.000	4.788.613.341
Cộng	122.984.974.581	109.484.607.666

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGÁN HẠN KHÓ ĐÒI

	30/06/2017		01/01/2017		Thời gian quá hạn	Đối tượng nợ
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND		
Phải thu tiền ứng trước tiền hàng	820.000.000	-	820.000.000	-	>3 năm	Công ty CP Kim Sơn Hải
Phải thu thi công công trình	546.339.201	-	546.339.201	-	>3 năm	Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị
Phải thu thi công công trình	-	-	-	-	>3 năm	Công ty Công trình Giao thông 621
Phải thu thi công công trình	1.614.849.071	531.947.875	1.614.849.071	531.947.875	2-3 năm	Các khách hàng khác
Ứng trước chi phí thi công, thiết kế	528.185.000	-	528.185.000	-	>3 năm	Công ty TNHH TK KT XD QLDA Sáng Tạo Mới
Ứng trước chi phí thi công, thiết kế	457.951.000	-	457.951.000	-	2-3 năm	Công ty TNHH PT Công nghệ Môi trường Phan Việt
Phải thu từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	1.200.655.596	35.396.160	1.200.655.596	35.396.160	2-3 năm	Các khách hàng khác
Phải thu khác	474.515.518	-	474.515.518	-	>3 năm	Các đối tượng khác
Cộng	5.642.495.386	567.344.035	5.642.495.386	567.344.035		
Giá trị đã lập dự phòng	5.075.151.351		5.075.151.351			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

11. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	32.650.364	(32.650.364)	11.712.939.047	(32.650.364)
Công cụ, dụng cụ	182.365.957	(1.456.000)	214.640.485	(1.456.000)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	33.133.220.338	-	49.959.084.382	-
<i>Chi phí thi công, lắp đặt, dự tu dở dang</i>	17.842.976.460	-	35.130.773.290	-
<i>Chi phí sản xuất dở dang</i>	-	-	2.817.604.614	-
<i>Chi phí cung cấp dịch vụ dở dang</i>	82.197.295	-	99.398.295	-
<i>Chi phí đầu tư các dự án B.O.T chưa khai thác</i>	15.208.046.583	-	11.911.308.183	-
Thành phẩm	528.730.757	(528.730.757)	14.109.189.603	(940.152.856)
Hàng hóa	253.075.656	(64.770.451)	5.359.821.740	(64.770.451)
Cộng	34.130.043.072	(627.607.572)	81.355.675.257	(1.039.029.671)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	45.549.474.755	51.982.823.161	8.356.122.207	1.547.473.701	107.435.893.824
Mua trong kỳ	-	-	1.051.363.636	-	1.051.363.636
Thanh lý trong kỳ	-	-	(414.480.226)	-	(414.480.226)
Giảm do thanh lý công ty con	(33.258.929.822)	(46.254.605.443)	(4.209.791.564)	8.010.189	(83.715.316.640)
Phân loại sang TSCĐ vô hình	(4.447.650.102)	-	-	-	(4.447.650.102)
Tại ngày 30/06/2017	7.842.894.831	5.728.217.718	4.783.214.053	1.555.483.890	19.909.810.492

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2017	9.708.039.369	29.148.890.909	4.780.605.345	962.704.114	44.600.239.737
Khấu hao trong kỳ	355.742.052	306.488.329	334.098.693	135.164.776	1.131.493.850
Thanh lý trong kỳ	-	-	(414.480.226)	-	(414.480.226)
Giảm do thanh lý công ty con	(5.854.454.224)	(26.037.914.365)	(2.569.191.436)	(132.846.470)	(34.594.406.495)
Phân loại sang TSCĐ vô hình	(60.760.248)	-	-	-	(60.760.248)
Tại ngày 30/06/2017	4.148.566.949	3.417.464.873	2.131.032.376	965.022.420	10.662.086.618

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2017	35.841.435.386	22.833.932.252	3.575.516.862	584.769.587	62.835.654.087
Tại ngày 30/06/2017	3.694.327.882	2.310.752.845	2.652.181.677	590.461.470	9.247.723.874

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MÃ SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền thu phí giao thông VND	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2017	2.306.318.717.192	8.764.823.450	325.000.000	2.315.408.540.642
Mua trong kỳ	-	-	90.000.000	90.000.000
XDCB hoàn thành	1.661.828.896.387	-	-	1.661.828.896.387
Giảm do thanh lý công ty con	-	(8.031.674.450)	(100.000.000)	(8.131.674.450)
Phân loại từ TSCĐ hữu hình	4.447.650.102	-	-	4.447.650.102
Điều chỉnh giảm giá trị quyền thu phí	(2.795.016.645)	-	-	(2.795.016.645)
Tại ngày 30/06/2017	3.969.800.247.036	733.149.000	315.000.000	3.970.848.396.036
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2017	555.078.932.676	1.248.390.592	166.800.741	556.494.124.009
Khấu hao trong kỳ	86.367.119.276	-	19.810.014	86.386.929.290
Giảm do thanh lý công ty con	-	(1.248.390.592)	(20.817.022)	(1.269.207.614)
Phân loại từ TSCĐ hữu hình	60.760.248	-	-	60.760.248
Tại ngày 30/06/2017	641.506.812.200	-	165.793.733	641.672.605.933
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2017	1.751.239.784.516	7.516.432.858	158.199.259	1.758.914.416.633
Tại ngày 30/06/2017	3.328.293.434.836	733.149.000	149.206.267	3.329.175.790.103

Thông tin chi tiết về các quyền thu phí giao thông Công ty đang kiểm soát như sau:

a. Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư dự án tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm với nguyên giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 582.497.970.378 VND. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2008 giữa Cục đường bộ Việt Nam và Liên doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy. Việc thu phí hoàn vốn đã chính thức được thực hiện từ thời điểm 0h ngày 20 tháng 5 năm 2013. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 30% doanh thu thu phí của dự án. Việc Công ty thực hiện khấu hao quyền thu phí giao thông theo tỷ lệ doanh thu đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013. Công ty đã đăng ký với Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về phương pháp và tỷ lệ khấu hao. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi giá trị đầu tư vào dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán.

Kể từ thời điểm 0h ngày 1 tháng 4 năm 2017, Công ty chấm dứt thu phí hoàn vốn đầu tư dự án tại trạm Thành Hải, đồng thời bắt đầu thu phí hoàn vốn đầu tư dự án tại trạm thu phí Cà Ná song song với hoạt động thu phí hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo chỉ đạo của Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH (tiếp theo)

b. Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm ghi nhận tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1.332.156.792.676 VND. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2014 với Bộ Giao thông Vận tải. Trạm thu phí Cà Ná đã chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn từ thời điểm 0h ngày 1 tháng 4 năm 2017. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 20% doanh thu thu phí của dự án. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi giá trị đầu tư vào dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán.

c. Quyền thu phí giao thông đường ĐT 741

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4, với nguyên giá là 657.300.691.315 VND. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 9 tháng 9 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Trạm thu phí đường ĐT 741 chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn đầu tư từ ngày 1 tháng 9 năm 2011. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 7,77% doanh thu thu phí của dự án.

Tại ngày mua Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 276.430.752.980 VND, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu phí so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên báo cáo tài chính riêng của công ty con. Việc thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của công ty con được thực hiện bởi công ty có chức năng cung cấp dịch vụ thẩm định giá trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm 3 tháng, phù hợp với thời gian thu phí còn lại của dự án tính từ thời điểm hợp nhất công ty con.

d. Quyền thu phí giao thông cầu Rạch Miễu

Công ty được phép thu phí giao thông cầu Rạch Miễu để hoàn vốn đầu tư dự án mở rộng Quốc lộ 60, nối liền tỉnh Bến Tre và tỉnh Tiền Giang. Đây là dự án đầu tư theo hình thức B.O.T có phần vốn hỗ trợ của Ngân sách Nhà Nước, được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt. Nguyên giá của tài sản được ghi nhận dựa trên các chi phí mà Công ty đã bỏ ra và được tính vào giá trị của dự án là 501.138.270.900. Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 13 năm 5 tháng bao gồm cả 3 năm tạo lợi nhuận cho nhà đầu tư, dự kiến sẽ kết thúc vào tháng 8 năm 2022. Công ty thực hiện khấu hao quyền thu phí này theo doanh thu với tỷ lệ hiện nay là 28%.

Tại ngày mua Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu - doanh nghiệp đầu tư và quản lý trực tiếp dự án này, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con theo phương pháp chiết khấu dòng tiền phát sinh trong tương lai từ hoạt động thu phí. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 290.719.123.179 VND. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên báo cáo tài chính riêng của công ty con. Việc thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của công ty con được thực hiện bởi công ty có chức năng cung cấp dịch vụ thẩm định giá trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm đến ngày dự kiến kết thúc thời gian thu phí, phù hợp với thời gian phân bổ lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất công ty con này.

Công ty đã thế chấp các quyền thu phí giao thông cùng với các lợi ích kinh tế khác có thể thu được để đảm bảo cho các khoản vay và nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MÃU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội (i)	1.801.066.411.798	1.384.522.630.392
Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	41.371.797.738	13.557.281.818
Dự án Đầu tư Xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 nối cầu Rạch Miễu và cầu Cổ Chiên	17.607.534.406	5.172.808.665
Dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2	-	1.630.255.986.187
Các dự án khác	1.391.222.931	883.566.727
Cộng	1.861.436.966.873	3.034.392.273.789

(i) Dự án BOT mở rộng Xa lộ Hà Nội được thực hiện theo hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao số 03/2009/HĐ-B.O.T ngày 25 tháng 11 năm 2009 ký với Sở Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh. Tổng mức đầu tư của dự án (không bao gồm lãi vay trong thời gian thi công, chi phí sử dụng vốn và thuế VAT) là 2.538.000.000.000 VND, trong đó cơ cấu giữa vốn chủ và vốn vay lần lượt là 20% và 80%.

Công ty đã sử dụng toàn bộ quyền quản lý, thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội (nhằm hoàn vốn đầu tư Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội), quyền thụ hưởng bảo hiểm mọi rủi ro liên quan đến thi công và xây lắp trong thời gian xây dựng của Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội để thế chấp cho khoản vay như đã trình bày ở Thuyết minh số 23.

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND
i. Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	204.817.083.737	204.817.083.737	15.842.590.331	15.842.590.331
ii. Dài hạn				
Vốn hợp tác đầu tư	118.079.094.336	118.079.094.336	137.713.580.960	137.713.580.960

Số dư khoản vốn hợp tác đầu tư thể hiện giá trị phần góp vốn của Công ty theo hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh để khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội, hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động thu phí được chia theo tỷ lệ phần trăm vốn góp của mỗi bên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Phân lợi nhuận sau	Giá gốc	Phân lợi nhuận sau
	VND	ngày đầu tư VND	VND	ngày đầu tư VND
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	154.483.480.000	1.104.069.715	154.483.480.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	900.000.000	2.491.589.180	900.000.000	863.289.048
Cộng	155.383.480.000	3.595.658.895	155.383.480.000	863.289.048
Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu		158.979.138.895		156.246.769.048

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay (i)	163.448.611.268	92.975.756.833
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.089.706.746	4.134.887.411
Cộng	166.538.318.014	97.110.644.244

(i) Chi phí lãi vay trả trước là chi phí lãi vay tài trợ cho Dự án B.O.T mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm và Dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Ninh Thuận phát sinh sau thời điểm dự án đi vào hoạt động và được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất theo tỷ trọng doanh thu. Tỷ lệ phân bổ chi phí lãi vay hiện nay của cả 2 dự án là 10%.

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Giá trị ghi sổ VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	126.111.699.985
Lợi thế thương mại tăng từ việc mua công ty con trong năm	24.609.611.737
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(43.220.613.106)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	107.500.698.616
Lợi thế thương mại tăng từ việc mua công ty con trong kỳ	-
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(22.635.707.042)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	84.864.991.574

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty CII E&C	26.250.325.488	26.250.325.488	6.443.170.934	6.443.170.934
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia	7.961.039.632	7.961.039.632	-	-
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5	7.305.055.453	7.305.055.453	7.305.055.453	7.305.055.453
Công ty CP Thương mại Xây dựng Kỹ thuật Thiên Thành	1.360.174.200	1.360.174.200	12.848.254.760	12.848.254.760
Các nhà cung cấp khác	21.974.710.052	21.974.710.052	45.736.082.852	45.736.082.852
Cộng	64.851.304.825	64.851.304.825	72.332.563.999	72.332.563.999
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan</i>				
Công ty CII E&C	26.250.325.488	26.250.325.488	6.443.170.934	6.443.170.934
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia	7.961.039.632	7.961.039.632	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	3.313.627.811	3.313.627.811	3.333.045.360	3.333.045.360
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	422.298.681	422.298.681	845.467.734	845.467.734
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	-	-	-	-
Cộng	37.947.291.612	37.947.291.612	10.621.684.028	10.621.684.028

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 1	6.520.337.269	-
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 3	2.697.846.150	-
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 2	943.118.000	-
Công ty CP Đầu tư Long Biên	-	1.472.618.994
Công ty CP Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	-	6.686.744.492
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII	35.550.000	2.588.901.450
PPD E&C Co., Ltd	-	2.505.662.330
Các đối tượng khác	2.731.402.834	3.909.914.590
Cộng	12.928.254.253	17.163.841.856
<i>Trong đó, trả trước của các bên liên quan</i>		
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII	35.550.000	2.588.901.450

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2017	Số phải nộp	Số đã thực nộp	30/06/2017
	VND	trong kỳ	trong kỳ	VND
		VND	VND	
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
nộp thừa	1.190.995.471	226.749	-	1.190.768.722
Thuế thu nhập cá nhân nộp				
thừa	10.473.877	10.473.877	397.552	397.552
Tiền thuế đất nộp thừa	576.571.588	138.742.669	-	437.828.919
Cộng	1.778.040.936	149.443.295	397.552	1.628.995.193
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.549.828.057	18.834.790.686	19.310.681.928	2.073.936.815
Thuế thu nhập doanh				
ng nghiệp	18.000.218.859	21.917.330.581	18.553.420.672	21.364.128.768
Thuế thu nhập cá nhân	238.753.516	880.943.448	923.205.360	196.491.604
Các loại thuế khác	-	28.000.000	28.000.000	-
Cộng	20.788.800.432	41.661.064.715	38.815.307.960	23.634.557.187

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí phải trả về thi công xây dựng, lắp đặt thiết		
bị, duy tu công trình	4.083.521.696	25.842.213.858
Chi phí lãi vay phải trả	30.413.321.300	21.560.665.311
Chi phí phải trả khác	33.222.222	2.438.808.176
Cộng	34.530.065.218	49.841.687.345

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	8.772.464	10.685.924
Bảo hiểm xã hội	37.292.887	36.978.067
Bảo hiểm y tế	6.045.843	6.045.843
Bảo hiểm thất nghiệp	398.969	398.969
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	116.943.903.518	91.249.814.031
Phải trả tiền gốc hỗ trợ vốn	242.058.833.606	194.958.833.606
Phải trả chi phí sử dụng vốn	41.147.670.588	29.382.671.749
Phải trả khoản lãi vốn chủ nhận bàn giao	6.992.659.506	6.992.659.506
Phải trả Tổng Công ty Xây dựng Công trình		
Giao thông 6	3.351.653.113	3.351.653.113
Lãi trái phiếu phải trả	3.234.722.222	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.332.401.208	3.467.064.402
Cộng	418.114.353.924	329.456.805.210
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	252.220.500	78.252.220.500
Tiền thu trước của các hộ dân nhận đất khu tái định cư Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	994.741.258	904.291.258
Cộng	1.246.961.758	79.156.511.758
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty CII	409.454.183.568	242.958.111.967
<i>Phải trả tiền gốc hỗ trợ vốn</i>	242.058.833.606	194.958.833.606
<i>Phải trả chi phí sử dụng vốn</i>	41.147.670.588	29.382.671.749
<i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả</i>	116.889.119.779	11.059.435.956
<i>Phải trả khoản lãi vốn chủ nhận bàn giao</i>	6.992.659.506	6.992.659.506
<i>Phải trả lãi trái phiếu</i>	1.801.388.889	-
<i>Phải trả khác</i>	564.511.200	564.511.150
Công ty CII E&C	1.433.333.333	78.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	54.518.000	-
Cộng	410.942.034.901	320.958.111.967

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

a. Ngân hạn

	30/06/2017		Phát sinh trong kỳ		01/01/2017	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Công ty CII	385.708.750.000	385.708.750.000	-	-	385.708.750.000	385.708.750.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	-	-	-	9.056.816.681	9.056.816.681	9.056.816.681
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	-	-	10.107.173.018	10.107.173.018	-	-
Cộng vay ngắn hạn	385.708.750.000	385.708.750.000	10.107.173.018	19.163.989.699	394.765.566.681	394.765.566.681
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (<i>xem</i> <i>Thuyết minh số 22.b)</i>	365.751.500.000	365.751.500.000	-	-	253.727.066.667	253.727.066.667
Tổng cộng	751.460.250.000	751.460.250.000			648.492.633.348	648.492.633.348

Khoản vay ngắn hạn từ Công ty CII để đầu tư góp vốn vào Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận - Doanh nghiệp dự án thực hiện đầu tư xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận và để hỗ trợ cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc thực hiện đầu tư vào dự án này. Lãi suất vay được tính bằng lãi suất tiết kiệm tiền gửi cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân + biên độ 3%/năm, thời hạn vay được quy định trong từng công văn cụ thể cho từng lần giải ngân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Dài hạn

	30/06/2017		Phát sinh trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị có khả năng thanh toán		Tăng		Giảm	
	Nợ gốc VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	4.503.254.482.795	4.503.254.482.795	560.540.413.646	278.132.576.538	4.220.846.645.687	4.220.846.645.687
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 (i)	3.351.280.875.148	3.351.280.875.148	260.501.628.925	137.862.176.538	3.228.641.422.761	3.228.641.422.761
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn (ii)	396.724.568.925	396.724.568.925	-	5.755.000.000	402.479.568.925	402.479.568.925
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương (iii)	166.336.454.179	166.336.454.179	4.788.784.721	11.620.000.000	173.167.669.458	173.167.669.458
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (iv)	254.564.600.000	254.564.600.000	259.000.000.000	20.145.400.000	15.710.000.000	15.710.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt (v)	71.750.000.000	71.750.000.000	-	73.250.000.000	145.000.000.000	145.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre (vi)	207.947.984.543	207.947.984.543	-	29.500.000.000	237.447.984.543	237.447.984.543
Công ty CII	54.650.000.000	54.650.000.000	36.250.000.000	-	18.400.000.000	18.400.000.000
Trái phiếu phát hành	300.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-
Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	300.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-
Cộng vay và nợ dài hạn	4.803.254.482.795	4.803.254.482.795	860.540.413.646	278.132.576.538	4.220.846.645.687	4.220.846.645.687
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(365.751.500.000)	(365.751.500.000)	-	-	(253.727.066.667)	(253.727.066.667)
Tổng cộng	4.437.502.982.795	4.437.502.982.795	860.540.413.646	278.132.576.538	3.967.119.579.020	3.967.119.579.020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MÃ SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Dài hạn (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

(i) Số dư nợ vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 thể hiện các khoản vay như sau:

- Khoản vay dài hạn có hạn mức vay 2.516.600.000.000 VND với mục đích đầu tư xây dựng Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội theo hình thức hợp đồng B.O.T. Thời hạn giải ngân được tính từ ngày 30 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Thời hạn cho vay đối với từng khoản nợ tối đa là 15 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng không vượt quá ngày 31 tháng 12 năm 2029. Lãi suất cho vay thả nổi theo lãi suất của ngân hàng áp dụng cho từng thời kỳ. Công ty đã sử dụng toàn bộ quyền quản lý, thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội (nhằm hoàn vốn đầu tư dự án B.O.T Mở rộng Xa lộ Hà Nội), quyền thụ hưởng bảo hiểm mọi rủi ro liên quan đến thi công và xây lắp trong thời gian xây dựng của dự án B.O.T Mở rộng Xa lộ Hà Nội để thế chấp cho khoản vay này. Số dư nợ vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1.870.514.608.092 VND.
- Khoản vay dài hạn có hạn mức vay 405.500.000.000 VND với mục đích tài trợ cho Dự án Đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Lãi suất vay thả nổi theo lãi suất của ngân hàng công bố trong từng thời kỳ và được điều chỉnh ba (03) tháng một lần theo nguyên tắc: Lãi suất cho vay bằng (=) lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3,2%/năm. Tất cả các khoản vay sẽ đáo hạn vào ngày 23 tháng 7 năm 2020. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền thu phí giao thông đường bộ, các quyền lợi phát sinh khác trong quá trình thu phí thuộc dự án và quyền được nhận số tiền bảo hiểm mọi rủi ro cho tài sản thuộc dự án. Số dư nợ của khoản vay này tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 238.000.000.000 VND.
- Khoản vay dài hạn có hạn mức vay 1.688.640.000.000 VND với mục đích tài trợ cho Dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T. Lãi suất vay được quy định trên từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh định kỳ ba tháng một lần theo nguyên tắc: Lãi suất cho vay bằng (=) lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3,2%/năm. Thời hạn vay là 15 năm tính từ 13 tháng 2 năm 2015. Khoản vay được đảm bảo bằng các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ dự án. Số dư nợ của khoản vay này tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1.242.766.267.056 VND.

(ii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn nhằm mục đích thanh toán giá trị nhận chuyển nhượng vốn góp vào Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận và Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu. Thời hạn vay là 102 tháng tính từ ngày 19 tháng 6 năm 2015 đối với hợp đồng vay có hạn mức tín dụng là 219 tỷ VND và 72 tháng tính từ ngày 2 tháng 12 năm 2015 đối với hợp đồng vay có hạn mức tín dụng là 191,920 tỷ VND. Lãi suất thả nổi và được điều chỉnh sáu tháng một lần vào các ngày 1 tháng 1 và 1 tháng 7 hàng năm. Công ty sử dụng các lợi ích kinh tế có được từ khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận và Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu để đảm bảo cho khoản vay này.

(iii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng tín dụng ký ngày 9 tháng 12 năm 2009. Lãi suất vay được quy định trên từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh định kỳ vào ngày 15 của các tháng 2, 5, 8, 11 hàng năm. Thời hạn thanh toán nợ vay cuối cùng là ngày 23 tháng 12 năm 2019. Mục đích sử dụng của khoản vay là để đầu tư xây dựng Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4 theo hình thức hợp đồng B.O.T. Công ty đã thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông theo hợp đồng B.O.T và nguồn thu hợp pháp từ các dịch vụ khác trên tuyến đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4 mang lại để đảm bảo cho khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MÃ SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Dài hạn (tiếp theo)

- (iv) Số dư nợ vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII và góp vốn vào Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu. Mục đích góp vốn vào các công ty con này là để đầu tư vào dự án Cầu Chiên và dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng Quốc lộ 60 nối cầu Rạch Miễu đến Cầu Cô Chiên, Tỉnh Bến Tre theo hình thức hợp đồng B.O.T. Hạn mức tín dụng của hợp đồng vay là 300 tỷ VND. Thời hạn vay là 25 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên và sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Lãi suất áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân là 8,8%/năm, lãi suất này sau đó được điều chỉnh định kỳ ba tháng một lần với biên độ 1,8%/năm. Công ty sử dụng các lợi ích thu được trong tương lai từ việc đầu tư vào Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn để đảm bảo cho khoản vay này sau khi đảm bảo các nghĩa vụ của CII với Viettinbank liên quan đến gói trái phiếu CII-B2013-1 phát hành bởi CII ngày 17 tháng 4 năm 2013.
- (v) Số dư nợ vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Bản Việt nhằm mục đích tài trợ cho việc hợp tác đầu tư khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Hạn mức tín dụng của hợp đồng vay là 145 tỷ VND. Thời hạn vay là 2 năm, ngày đáo hạn của khoản vay là 20 tháng 7 năm 2018. Lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân là 9,5%/năm, lãi suất này được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2016 và sau đó được điều chỉnh định kỳ mỗi tháng một lần. Công ty sử dụng các lợi ích kinh tế có được từ khoản hợp tác đầu tư khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc để đảm bảo cho khoản vay này.
- (vi) Khoản nợ vay dài hạn tại theo hợp đồng tín dụng ký ngày 12 tháng 12 năm 2005 và phụ lục hợp đồng ngày 31 tháng 8 năm 2009 giữa Công ty và các ngân hàng đồng tài trợ như sau: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bến tre - Ngân hàng đầu mối; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tiền Giang; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Trà Vinh; Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn; Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bến Tre. Số tiền cho vay là 382.295.893.900 VND. Kỳ trả nợ được tính là một tháng/lần và toàn bộ nợ gốc được trả trong 141 kỳ kể từ ngày trả nợ gốc đầu tiên. Lãi suất được tính theo lãi suất của ngân hàng theo từng thông báo lãi vay, lãi suất được điều chỉnh mỗi năm hai lần vào ngày 31/1 và 31/7, tính bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau bình quân của các ngân hàng đồng tài trợ cộng với phí 2.5%/năm. Mục đích sử dụng của khoản vay là tài trợ duy nhất cho dự án Cầu Rạch Miễu. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là nguồn thu từ dự án, tất cả nguồn thu từ dự án phải được chuyển vào tài khoản ngân hàng đầu mối.

Thông tin bổ sung cho trái phiếu chưa đáo hạn

Trái phiếu HNHC_2017

- Mệnh giá: 1.000.000.000 VND;
- Số lượng: 300 trái phiếu;
- Đối tượng chào bán: Công ty CII và Công ty CII E&C
- Hình thức trái phiếu: trái phiếu ghi sổ;
- Ngày phát hành: 19 tháng 5 năm 2017;
- Thời hạn trái phiếu: 5 năm;
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 1 năm một lần kể từ và bao gồm ngày phát hành cho đến, nhưng không bao gồm ngày thanh toán lãi và ngày đáo hạn;
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho trái phiếu chưa đáo hạn (tiếp theo)

- Lãi suất: lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng một lần, bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng dành cho cá nhân được công bố bởi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam + biên độ 3,2%/năm.
- Mục đích: Tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Xa lộ Hà Nội - công ty con của Công ty.

Lịch thanh toán các khoản nợ vay dài hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Trong vòng một năm	365.751.500.000	253.727.066.667
Trong năm thứ hai	402.037.100.000	300.080.933.333
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.414.747.046.814	1.204.129.654.001
Sau năm năm	1.320.718.835.981	2.462.908.991.686
Cộng	4.503.254.482.795	4.220.846.645.687
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(365.751.500.000)	(253.727.066.667)
Số phải trả sau 12 tháng	4.137.502.982.795	3.967.119.579.020

24. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Bảng cân đối kết toán hợp nhất giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	
Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND	Từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND

Thuế TNDN hoãn lại phải trả

Lợi nhuận chưa thực hiện	-	-	-
Chênh lệch do đánh giá lại giá trị tài sản của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh (i)	113.429.975.232	113.429.975.232	-

Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

-	-
---	---

- (i) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời do đánh giá lại giá trị tài sản thuần của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG và Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu như đã nêu tại Thuyết minh số 13. Khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả này được ghi nhận theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi là 20% và được giảm trừ trực tiếp vào khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua giá rẻ hoặc lợi thế thương mại khi hợp nhất kinh doanh mà không được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả sẽ được hoàn nhập khi Công ty thanh lý tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2016	1.928.547.650.000	3.657.748.096	-	18.378.273.041	469.717.670.076	337.801.648.499	2.758.102.989.712
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	327.547.782.386	70.060.702.133	397.608.484.519
Chia cổ tức	-	-	-	-	(246.954.908.600)	(65.114.706.386)	(312.069.614.986)
Trích lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	19.348.022.588	(22.825.976.608)	(2.522.783)	(3.480.476.803)
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	744.492.220	-	744.492.220
Mua công ty con	-	-	-	-	-	204.976.699.613	204.976.699.613
Góp thêm vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	5.000.000	5.000.000
Thoái vốn trong công ty con	-	-	-	-	(3.651.471.341)	(23.987.180.000)	(27.638.651.341)
Tăng khác	-	-	-	-	-	51.885	51.885
Tại ngày 01/01/2017	1.928.547.650.000	3.657.748.096	-	37.726.295.629	524.577.588.133	523.739.692.961	3.018.248.974.819
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	88.241.245.659	26.364.539.502	114.605.785.161
Chia cổ tức	-	-	-	-	(185.140.574.400)	(29.587.763.086)	(214.728.337.486)
Cổ đông không kiểm soát góp vốn	-	-	-	-	-	171.701.000.000	171.701.000.000
Thoái vốn trong công ty con	-	-	-	-	-	(12.784.138.332)	(12.784.138.332)
Thay đổi phần sở hữu của Công ty mẹ và NCI	-	-	-	(122.068)	1.489.928.346	(1.489.806.278)	-
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(1.764.731.430)	-	(1.764.731.430)
Tại ngày 30/06/2017	1.928.547.650.000	3.657.748.096	-	37.726.173.561	427.403.456.308	677.943.524.767	3.075.278.552.732

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MÃU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b. Cổ phần

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần được phép phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phần phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phần đã mua lại	-	-
+ Cổ phần phổ thông	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phần phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần.		

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Doanh thu thu phí giao thông	242.267.223.643	98.436.249.027
Doanh thu thi công, lắp đặt, duy tu công trình	21.679.360.744	36.120.369.449
Doanh thu cung cấp dịch vụ	546.526.195	891.461.838
Doanh thu bán hàng	-	34.373.843.970
Cộng	264.493.110.582	169.821.924.284
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>		
Hoàn nhập lãi vốn chủ sở hữu	7.442.335.374	4.496.410.956
Giảm giá hàng bán	-	92.047.811
Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	7.442.335.374	4.588.458.767
Doanh thu thuần	257.050.775.208	165.233.465.517

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	295.446.000	295.446.000
--	-------------	-------------

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	66.326.627.674	35.926.823.534
Giá vốn thi công, lắp đặt, duy tu công trình	21.445.440.946	32.544.160.048
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	25.423.759.005
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	450.316.901	621.362.556
Cộng	88.222.385.521	94.516.105.143

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu theo hợp đồng		
B.O.T	77.227.462.197	61.450.765.641
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	42.466.100.392	38.011.693.542
Lãi trả chậm (i)	39.258.969.030	58.888.453.545
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư khai thác quyền thu phí hoàn vốn xây dựng cầu Rạch Chiếc	8.316.929.186	9.549.542.748
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	1.423.590
Cộng	167.269.460.805	167.901.879.066

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CII	8.316.929.186	9.549.542.748
Lãi cho vay được hưởng từ Công ty CII	11.187.810.571	6.588.344.182
	19.504.739.757	16.137.886.930

(i) Lãi trả chậm được ghi nhận theo quy định trong hợp đồng Xây dựng Chuyển giao Dự án Cầu Sài Gòn. Cụ thể, khoản lãi trả chậm được tính theo chu kỳ 6 tháng với lãi suất trả chậm bằng 7,81%/6 tháng, được tính trên số dư nợ vốn đầu tư mà Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh chưa thanh toán.

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí lãi vay	99.229.699.065	51.904.361.706
Lãi chậm thanh toán phí chuyển nhượng	-	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	19.811.132.397	-
Chi phí tài chính khác	37.723	208.309
Cộng	119.040.869.185	51.904.570.015

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Chi phí sử dụng vốn phải trả cho Công ty CII	15.667.478.896	5.313.544.190
--	----------------	---------------

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí lương nhân viên	2.639.932.035	3.608.956.385
Chi phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	11.193.063.034	-
Chi phí in vé thu phí giao thông	660.662.966	131.699.118
Chi phí hoa hồng bán hàng	-	183.086.155
Chi phí vận chuyển hàng bán	-	1.267.008.727
Các khoản chi phí bán hàng khác	2.432.430.981	3.248.228.329
Cộng	16.926.089.016	8.438.978.714

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MÃU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Phân bổ lợi thế thương mại	22.635.707.042	20.584.906.064
Chi phí lương nhân viên	6.209.150.502	4.704.086.930
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	1.966.991.198	306.833.918
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.478.414.470	7.083.014.829
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	300.460.838
Chi phí thuê văn phòng	385.217.474	715.855.981
Chi phí tiếp khách	691.100.912	376.894.577
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.056.498.935	1.755.127.922
Cộng	66.423.080.533	35.827.181.059

32. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Thu nhập từ cho thuê máy móc thiết bị	192.000.000	192.000.000
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	301.418.680	-
Thu nhập khác	-	37.940.155
Cộng	493.418.680	229.940.155

33. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí tài sản cho thuê	317.487.275	-
Phạt chậm nộp thuế, truy thu thuế	45.416.751	-
Phạt vi phạm hành chính về thuế	46.103.768	32.180.005
Chi phí khác	1.250.000	191.424.999
Cộng	410.257.794	223.605.004

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	32.839.049.093
Chi phí nhân công	9.583.151.271	12.943.456.455
Chi phí khấu hao tài sản cố định	94.155.215.928	43.009.838.363
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.880.800.272	15.064.621.494
Chi phí bằng tiền khác	1.900.972.509	4.982.008.515
Cộng	167.520.139.980	108.838.973.920

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017		Từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2016	
	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	138.761.938.207	(2.238.595.716)	86.003.328.800	72.490.943.308
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	894.511.485	89.224.903.355	944.148.953	4.669.599.956
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	-	<i>(8.316.929.186)</i>	-	<i>(9.549.542.748)</i>
<i>Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết</i>	-	<i>(2.732.369.847)</i>	-	<i>(16.039.427.305)</i>
<i>Phần bổ giá trị của quyền thu phí được định giá lại khi hợp nhất</i>	-	<i>32.112.346.614</i>	-	-
<i>Lợi thế thương mại phân bổ</i>	-	<i>22.635.707.042</i>	-	<i>20.584.906.064</i>
<i>Hoàn nhập lỗ chịu thuế của các công ty bị bù trừ khi hợp nhất</i>	-	<i>37.290.612.965</i>	-	<i>1.258.756.490</i>
<i>Chi phí lãi vay góp vốn đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc</i>	-	<i>7.599.318.055</i>	-	<i>7.690.569.726</i>
<i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	<i>894.511.485</i>	<i>636.217.712</i>	<i>944.148.953</i>	<i>724.337.729</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	139.656.449.692	86.986.307.639	86.947.477.753	77.160.543.264
Lỗ tính thuế mang sang	-	-	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	139.656.449.692	86.986.307.639	86.947.477.753	77.160.543.264
<i>Thu nhập chịu thuế 20%</i>	<i>39.246.206.648</i>	<i>86.986.307.639</i>	<i>58.885.953.540</i>	<i>77.160.543.264</i>
<i>Thu nhập chịu thuế 10%</i>	<i>100.410.243.044</i>	-	<i>28.061.524.213</i>	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	17.890.265.634	17.397.261.528	14.583.343.129	15.432.108.653
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn</i>	<i>(8.961.299.027)</i>	-	<i>(13.962.397.028)</i>	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%</i>	<i>(4.464.483.305)</i>	-	<i>(310.473.051)</i>	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu</i>	<i>55.812.500</i>	-	<i>524.672.810</i>	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.520.295.802	17.397.261.528	835.145.860	15.432.108.653

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế của các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Hoạt động đầu tư vào các dự án hạ tầng theo hợp đồng B.O.T và B.T được hưởng ưu đãi thuế theo quy định của luật thuế TNDN hiện hành. Cụ thể, thu nhập phát sinh từ các dự án đầu tư này được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong vòng 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	88.241.245.659	114.876.107.475
Trừ số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT và BKS	(288.107.699)	(1.411.785.144)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	87.953.137.960	113.464.322.331
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	192.854.765	192.854.765
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	456	588

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ so sánh đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên báo tài chính hợp nhất kỳ trước để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2017.

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty không báo cáo theo khu vực địa lý vì sự tập trung và nơi cung cấp hàng hóa dịch vụ của Công ty chủ yếu được thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 5 bộ phận như sau: hoạt động sản xuất, kinh doanh bán hàng; hoạt động đầu tư theo hình thức hợp đồng B.T; hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình; dịch vụ cho thuê mặt bằng và dịch vụ tư vấn thu phí giao thông; hoạt động thu phí giao thông. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh bán hàng: sản xuất kinh doanh cần đèn, trụ đèn, trụ điện lực, thiết bị điện;
- Hoạt động đầu tư theo hình thức hợp đồng B.T: đầu tư xây dựng các công trình cầu đường theo hình thức hợp đồng B.T;
- Hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình: thi công lắp đặt thiết bị các công trình chiếu sáng, duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng;
- Hoạt động cho thuê mặt bằng, tư vấn thu phí giao thông: cho thuê văn phòng, kho bãi; tư vấn quản lý và khai thác thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng các công trình cầu đường theo hình thức hợp đồng B.O.T;
- Hoạt động thu phí giao thông: thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng dự án cầu đường theo hợp đồng B.O.T.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 5 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Sản xuất, kinh doanh bán hàng	Hoạt động đầu tư theo hợp đồng B.T	Thi công lắp đặt, duy tu công trình	Cho thuê mặt bằng, tư vấn thu phí giao thông	Hoạt động thu phí giao thông	Loại trừ giao dịch nội bộ	Tổng cộng			
Doanh thu thuần									
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	-	21.679.360.744	-	546.526.195	234.824.888.269	-	257.050.775.208		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	5.574.703.526	-	1.945.452.968	-	(7.520.156.494)	-		
Cộng	-	27.254.064.270	-	2.491.979.163	234.824.888.269	(7.520.156.494)	257.050.775.208		
Giá vốn									
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	-	21.445.440.946	-	450.316.901	66.326.627.674	-	88.222.385.521		
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	5.574.703.526	-	-	-	(5.574.703.526)	-		
Cộng	-	27.020.144.472	-	450.316.901	66.326.627.674	(5.574.703.526)	88.222.385.521		
Lợi nhuận gộp bộ phận	-	233.919.798	-	2.041.662.262	168.498.260.595	(1.945.452.968)	168.828.389.687		
Doanh thu hoạt động tài chính	39.296.824.397						167.269.460.805		
Chi phí tài chính	-						119.040.869.185		
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-						2.732.369.847		
Chi phí bán hàng	-						16.926.089.016		
Chi phí quản lý doanh nghiệp	49.484.004						66.423.080.533		
Thu nhập khác	-						493.418.680		
Chi phí khác	-						410.257.794		
Chi phí thuế TNDN hiện hành	226.749						21.917.557.330		
Tổng lợi nhuận sau thuế	39.247.113.644						114.605.785.161		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016:

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Sản xuất, kinh doanh bán hàng	Hoạt động đầu tư theo hợp đồng B.T	Thi công, duy tu công trình	Cho thuê mặt bằng, tư vấn thu phí giao thông	Doanh thu thu phí giao thông	Loại trừ giao dịch nội bộ	Tổng cộng		
Doanh thu thuần									
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	34.281.796.159	-	36.120.369.449	891.461.838	93.939.838.071	-	165.233.465.517		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	18.792.012.414	-	-	(18.792.012.414)	-		
Cộng	34.281.796.159	-	54.912.381.863	891.461.838	93.939.838.071	(18.792.012.414)	165.233.465.517		
Giá vốn									
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	25.423.759.005	-	32.544.160.048	621.362.556	35.926.823.534	-	94.516.105.143		
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	-	18.792.012.414	-	-	(18.792.012.414)	-		
Cộng	25.423.759.005	-	51.336.172.462	621.362.556	35.926.823.534	(18.792.012.414)	94.516.105.143		
Lợi nhuận gộp bộ phận	8.858.037.154	-	3.576.209.401	270.099.282	58.013.014.537	-	70.717.360.374		
Doanh thu hoạt động tài chính	59.023.087.099						167.901.879.066		
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-						16.039.427.305		
Chi phí tài chính	-						51.904.570.015		
Chi phí bán hàng	-						8.438.978.714		
Chi phí quản lý doanh nghiệp	407.690.084						35.827.181.059		
Thu nhập khác	-						229.940.155		
Chi phí khác	2.500.005						223.605.004		
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-						16.267.254.513		
Tổng lợi nhuận sau thuế	58.612.897.010						142.227.017.595		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MÃ SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (các khoản vay và nợ thuê tài chính như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính như sau:

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	5.188.963.232.795	4.615.612.212.368
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>(860.478.802.558)</u>	<u>(799.676.241.298)</u>
Nợ thuần	4.328.484.430.237	3.815.935.971.070
Vốn chủ sở hữu	3.075.278.552.732	3.018.248.974.819
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	141%	126%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính như sau:

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	860.478.802.558	799.676.241.298
Đầu tư ngắn hạn	204.817.083.737	15.842.590.331
Phải thu khách hàng	413.971.049.929	579.955.191.303
Phải thu về cho vay	366.651.086.005	463.460.921.296
Phải thu khác	279.893.165.492	160.232.480.869
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	277.058.233.231	293.960.350.008
Cộng	2.402.869.420.952	2.313.127.775.105
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	5.188.963.232.795	4.615.612.212.368
Phải trả người bán	64.851.304.825	72.332.563.999
Phải trả khác	417.119.612.666	328.804.734.452
Chi phí phải trả	34.530.065.218	49.841.687.345
Cộng	5.705.464.215.504	5.066.591.198.164

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính gồm có rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty chỉ chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc thay đổi tỷ giá Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	7.968.155	22.746.000

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, đồng thời phân nhiệm một bộ phận thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động tại các công ty đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MÃ SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Các khoản đầu tư vào các công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty được đánh giá ở mức độ không trọng yếu bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn là các đối tác kinh doanh lâu dài của Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MÃ SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	860.478.802.558	-	-	860.478.802.558
Đầu tư tài chính ngắn hạn	204.817.083.737	-	-	204.817.083.737
Phải thu khách hàng	278.447.029.131	-	135.524.020.798	413.971.049.929
Phải thu về cho vay	135.225.836.005	231.425.250.000	-	366.651.086.005
Phải thu khác	279.893.165.492	-	-	279.893.165.492
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	277.058.233.231	277.058.233.231
Cộng	1.758.861.916.923	231.425.250.000	412.582.254.029	2.402.869.420.952
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	1.051.460.250.000	2.816.784.146.814	1.320.718.835.981	5.188.963.232.795
Phải trả người bán	64.851.304.825	-	-	64.851.304.825
Phải trả khác	416.867.392.166	252.220.500	-	417.119.612.666
Chi phí phải trả	34.530.065.218	-	-	34.530.065.218
Cộng	1.567.709.012.209	2.817.036.367.314	1.320.718.835.981	5.705.464.215.504
Chênh lệch thanh khoản thuần	191.152.904.714	(2.585.611.117.314)	(908.136.581.952)	(3.302.594.794.552)
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2017				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	799.676.241.298	-	-	799.676.241.298
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.842.590.331	-	-	15.842.590.331
Phải thu khách hàng	317.814.974.310	-	262.140.216.993	579.955.191.303
Phải thu về cho vay	232.035.671.296	231.425.250.000	-	463.460.921.296
Phải thu khác	160.232.480.869	-	-	160.232.480.869
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	293.960.350.008	293.960.350.008
Cộng	1.525.601.958.104	231.425.250.000	556.100.567.001	2.313.127.775.105
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	648.492.633.348	1.504.210.587.334	2.462.908.991.686	4.615.612.212.368
Phải trả người bán	72.332.563.999	-	-	72.332.563.999
Phải trả khác	328.552.513.952	252.220.500	-	328.804.734.452
Chi phí phải trả	49.841.687.345	-	-	49.841.687.345
Cộng	1.099.219.398.644	1.504.462.807.834	2.462.908.991.686	5.066.591.198.164
Chênh lệch thanh khoản thuần	426.382.559.460	(1.273.037.557.834)	(1.906.808.424.685)	(2.753.463.423.059)

Mặc dù tổng chênh lệch thanh khoản âm nhưng hiện tại các dự án về cầu đường mà Công ty đầu tư đã bắt đầu đi vào hoạt động và tạo ra dòng tiền ổn định cho Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII")	Công ty mẹ
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII ("CII E&C")	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	Công ty trong cùng tập đoàn

Các giao dịch trọng yếu phát sinh trong kỳ:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giao dịch với Công ty CII		
Lãi phát sinh từ hợp đồng góp vốn đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc	8.316.929.186	9.549.542.748
Nhận tiền vay	100.960.000.000	54.017.512.668
Thanh toán tiền vay	17.610.000.000	3.402.512.668
Nhận tiền mua trái phiếu	180.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	22.811.319.144	17.138.520.039
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm	137.299.823.485	100.587.956.707
Hoàn trả vốn góp	12.570.900.000	12.570.900.000
Chuyển tiền cho vay	118.545.000.000	169.500.000.000
Nhận lại tiền cho vay	212.354.835.291	208.206.333.843
Lãi cho vay	11.187.810.571	6.698.700.440
Thu lãi cho vay	13.245.164.709	-
Thu tiền cho thuê mặt bằng	324.990.000	324.990.000
Doanh thu cho thuê mặt bằng	295.446.000	295.446.000
Giao dịch với Công ty CII E&C		
Chi phí thi công xây dựng công trình	111.048.191.299	102.425.924.587
Thanh toán giá trị thi công xây dựng công trình	221.459.171.314	183.142.288.385
Chuyển nhượng công ty con	78.000.000.000	-
Nhận tiền mua trái phiếu	120.000.000.000	-
Doanh thu thi công xây dựng, bán hàng hóa	-	16.641.464.545
Cổ tức, lợi nhuận đã trả trong năm	-	7.800.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia		
Chi phí thuê mặt bằng	421.463.738	1.168.300.935
Thanh toán tiền thuê mặt bằng	463.610.110	863.798.995
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	-	150.000.000
Thu tiền hỗ trợ vốn	-	150.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MÃ SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII		
Chi phí thi công công trình xây lắp	8.178.611.281	4.301.794.429
Thanh toán chi phí thi công công trình xây lắp	11.267.954.396	5.177.359.977
Chi phí cung cấp, lắp đặt thiết bị trạm thu phí	2.628.875.455	1.839.998.000
Thanh toán chi phí cung cấp, lắp đặt thiết bị trạm thu phí	2.609.816.000	1.839.998.000
Chi phí sửa chữa bảo trì đường bộ thường xuyên	1.868.191.691	-
Thanh toán chi phí sửa chữa bảo trì đường bộ thường xuyên	1.952.260.317	-
Thu nhập từ cho thuê máy móc thiết bị	192.000.000	192.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC		
Chi phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	11.193.063.034	-
Thanh toán chi phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	12.331.786.887	-
Chi phí sửa chữa bảo trì đường bộ thường xuyên	386.377.500	-
Thanh toán chi phí sửa chữa bảo trì đường bộ thường xuyên	810.137.157	-
Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia		
Chi phí thi công công trình xây lắp	26.594.234.292	-
Thanh toán chi phí thi công công trình xây lắp	40.010.481.662	-

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lương và thưởng	1.610.113.762	1.063.500.000


Dương Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 18 tháng 8 năm 2017


Nguyễn Văn Chính
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc



Trụ sở chính tại Hà Nội:

Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex
1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung
Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội
Đt: (04) 6664 2777 Fax: (04) 6664 3777
Email: ifc@ifcvietnam.com.vn

Head Office in Hanoi:

15th Floor, Center Building - Hapulico Complex
1 Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Trung Ward
Thanh Xuan District, Ha Noi City
Tel: (+84 4) 6664 2777 Fax: (+84 4) 6664 3777
Email: ifc@ifcvietnam.com.vn

Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh:

Lầu 5, Tòa nhà Hải Âu TIC, 39B Trường Sơn
Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Đt: (08) 3547 2323 Fax: (08) 3547 2579
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

Branch in Ho Chi Minh City:

5th Floor, Hai Au TIC Building, 39B Truong Son
Ward 4, Tan Binh District, Ho Chi Minh City
Tel: (+84 8) 3547 2323 Fax: (+84 8) 3547 2579
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

Chi nhánh tại Hải Phòng:

4 Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ
Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng
Đt: (031) 3797 268 Fax: (031) 3797 269
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

Branch in Hai Phong City:

4 Nguyen Trai, May To Ward
Ngo Quyen District, Hai Phong City
Tel: (+84 31) 3797 268 Fax: (+84 31) 3797 269
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

Chi nhánh tại Thanh Hóa:

30 Từ Đạo Hạnh, Phường Đông Thọ
Tp. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
Đt: (037) 3758 959 Fax: (037) 8886 866
Email: ifcthanhhoa@ifcvietnam.com.vn

Branch in Thanh Hoa Province:

30 Tu Dao Hanh, Dong Tho Ward
Thanh Hoa City, Thanh Hoa Province
Tel: (+84 37) 3758 959 Fax: (+84 37) 8886 866
Email: ifcthanhhoa@ifcvietnam.com.vn